

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VĨNH HUNG
TỈNH LONG AN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 6 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HUNG, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.
- Ông Danh Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn T1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2023 và tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

1. Về hôn nhân: Có tự nguyện kết hôn với anh Đỗ Văn T1 vào năm 2012, đến ngày 27/8/2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến giữa năm 2023 phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, cho đến cuối năm 2023 thì chị T đi làm công nhân và về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, sống

không hợp nhau nên chị T và anh T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

2. Về con chung: Chị T khai, trong quá trình chung sống với anh T1, vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Minh T2, sinh ngày 24/02/2013; giới tính: Nam và Đỗ Gia P, sinh ngày 10/11/2016; giới tính: Nam. Trong thời gian sống ly thân, anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng các con. Nay chị T nhường quyền và đồng ý giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 31/01/2023, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Văn T1 trình bày:

Thừa nhận có kết hôn với chị T vào năm 2012. Đến ngày 27/8/2013 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 02 con chung là Đỗ Minh T2, sinh ngày 24/02/2013; giới tính: Nam và Đỗ Gia P, sinh ngày 10/11/2016; giới tính: Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chưa trầm trọng. Nay do chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về các con thì anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Chị Lê Thị Cẩm T khởi kiện anh Đỗ Văn T1 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa.

+ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định; của Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về Hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là Hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được ly hôn, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, tại phiên tòa anh T1 đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T với anh T1 không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T tự nguyện nhường quyền nuôi con cho anh T1 và anh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu T2, có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông T1, còn cháu P có nguyện vọng sống với mẹ, nhưng chị T trình bày không đủ điều kiện nuôi con, nhưng hiện nay 02 cháu đang sinh sống với anh T1. Để ổn định cuộc sống cho các cháu, đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của ông T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

+ Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Chị T khai do đời sống chung không hợp nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn làm mất đi tình nghĩa vợ chồng, giữa chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn từ giữa năm 2023 và sống ly thân cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh T1 không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T nhường quyền chăm sóc, nuôi dưỡng các con Đỗ Minh T2, sinh ngày 24/02/2013; giới tính: Nam và Đỗ Gia P, sinh ngày 10/11/2016; giới tính: Nam cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa chị T, anh T1 phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
Anh T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

2. Về con chung:

Anh Đỗ Văn T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con Đỗ Minh T2, sinh ngày 24/02/2013; giới tính: Nam và Đỗ Gia P, sinh ngày 10/11/2016; giới tính: Nam.

Chị T không trực tiếp nuôi dưỡng các con, nhưng chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002429 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/ huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- Các đ/s;
- UBND xã Tuyên Bình Tây;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu